

Số: 801/KH-BCĐTUVSATTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

KẾ HOẠCH
Triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm
trong dịp Tết Trung thu năm 2016

Tết Trung thu là dịp nhu cầu sử dụng các loại thực phẩm tăng cao, bao gồm cả số lượng và chủng loại, đặc biệt là các loại bánh, mứt, kẹo, bia rượu, nước giải khát. Nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm cho người dân trong dịp Tết Trung thu, căn cứ Luật an toàn thực phẩm năm 2010, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, Kế hoạch số 52/KH-BCĐTUVSATTP ngày 22/01/2016 Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) về triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm năm 2016, Thường trực Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP xây dựng kế hoạch triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, dịch vụ ăn uống, ưu tiên tập trung các mặt hàng thực phẩm phục vụ Tết Trung thu. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm, hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, góp phần làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Đánh giá công tác chỉ đạo, triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu của các cấp, các ngành từ cấp tỉnh, thành phố đến cấp quận, huyện và cấp xã, phường.

3. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục các kiến thức, các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG THANH TRA, KIỂM TRA

1. Đối tượng thanh tra, kiểm tra

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, dịch vụ ăn uống, tập trung ưu tiên vào những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu như bánh, mứt, kẹo, bia, rượu, nước giải khát, thịt, sản phẩm từ thịt v.v. Trong đó, các đoàn của Trung ương và cấp tỉnh, thành phố sẽ tập trung thanh tra, kiểm tra những nơi cung cấp thực phẩm với số lượng lớn như cơ sở sản xuất lớn, chợ đầu mối, siêu thị, cơ sở thương mại tập trung, cơ sở nhập khẩu thực phẩm; ngăn chặn, phòng ngừa cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, hàng nhái, thực phẩm kém chất lượng, quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc xuất xứ và sử dụng nguyên liệu thực phẩm không bảo đảm an toàn. Đối với các cơ sở vừa và nhỏ, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do các đoàn liên ngành cấp quận, huyện và xã, phường thực hiện thanh tra/ kiểm tra.

- Đối với công tác quản lý về an toàn thực phẩm: Trong quá trình kiểm tra các đoàn kiểm tra của tuyến trên sẽ làm việc với Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP của tuyến dưới để nắm bắt tình hình công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại các địa phương, việc triển khai các biện pháp quản lý an toàn thực phẩm, công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm tại mỗi cấp.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra

2.1. Căn cứ pháp lý để thanh tra, kiểm tra

- Luật an toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa;
- Nghị định 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của liên Bộ: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Thông tư số 16/2012/TT-BYT ngày 22/10/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm; Thông tư số 08/2015/TT-BYT ngày 11/5/2015 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012;

- Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố;

- Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của liên Bộ: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.

- Thông tư 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 17/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 Quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;

- Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm;

- Thông tư của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm theo từng lĩnh vực.

2.2. Nội dung thanh tra, kiểm tra:

- Nội dung thanh tra theo Điều 67 Luật An toàn thực phẩm;

- Nội dung kiểm tra theo Điều 5, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

- Tập trung thanh tra, kiểm tra bảo đảm chất lượng sản phẩm, việc chấp hành quy định về quảng cáo, kiểm nghiệm định kỳ sản phẩm, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc; điều kiện sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng phụ gia, phẩm màu, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến, nguồn gốc nguyên liệu trong sản xuất, chế biến thực phẩm.

- Lấy mẫu kiểm nghiệm để đánh giá chất lượng sản phẩm.

2.3. Đối với cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm cần nắm bắt thực trạng về:

- Công tác chỉ đạo, việc triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm;
- Công tác tuyên truyền giáo dục các quy định, kiến thức về an toàn thực phẩm;
- Việc triển khai các đoàn thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu.

III. PHƯƠNG PHÁP THANH TRA, KIỂM TRA

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Trung ương và địa phương thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tiến hành thanh tra/kiểm tra trực tiếp tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, dịch vụ ăn uống và nắm bắt thực trạng công tác quản lý của cấp dưới (lưu ý phối hợp giữa các ngành, các cấp, tránh sự chồng chéo).

2. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra:

- Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở;
- Thu thập tài liệu liên quan;
- Kiểm tra thực tế cơ sở thực phẩm;
- Lấy mẫu để kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm;
- Lập biên bản thanh tra, kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);
- Phân tích, đánh giá hồ sơ liên quan an toàn thực phẩm;
- Phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm để hoàn thành báo cáo;

Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra, các đoàn tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở thực phẩm; việc triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016 tại địa phương; đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm.

IV. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Các căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP.

- Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Nghị định số 114/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

- Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.

- Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Các Nghị định khác quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

2. Hướng dẫn xử lý vi phạm trong quá trình thanh tra, kiểm tra:

- Các đoàn thanh tra, kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải thực hiện xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để các sản phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm, không rõ nguồn gốc, không nhãn mác hoặc có các vi phạm khác lưu thông trên thị trường hoặc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống không bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm tiếp tục hoạt động khi chưa thực hiện các biện pháp khắc phục có hiệu quả.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm, khi cần thiết, các đoàn của Trung ương chuyên hồ sơ vi phạm cho địa phương xử lý theo thẩm quyền. Các đoàn thanh tra, kiểm tra và các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương ngoài việc xử lý các trường hợp vi phạm được pháp hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm xử lý kịp thời, triệt để các trường hợp vi phạm do các đoàn của Trung ương giao theo quy định của pháp luật.

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

A. Tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra tại Trung ương.

Thường trực Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP phân công các đơn vị chức năng thuộc các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương và các ngành thành viên Ban chỉ đạo tham gia 06 đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành kiểm tra tại 12 tỉnh, thành phố (các Bộ chủ quản của đơn vị Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra ban hành quyết định kiểm tra), bao gồm:

Đoàn số 1: Vụ Khoa học Công nghệ (Bộ Công Thương) chủ trì, thành viên Đoàn gồm: Vụ Khoa học công nghệ (Bộ Công Thương), Thanh tra Bộ Y tế, Cục Bảo vệ thực vật, Viện Kiểm nghiệm ATVSTP Quốc gia. Địa bàn kiểm tra gồm các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thái Nguyên.

Đoàn số 2: Cục Quản lý thị trường (Bộ Công Thương) chủ trì, thành viên Đoàn gồm: Cục Quản lý thị trường (Bộ Công Thương), Cục Thú y, Viện Y tế công cộng Tp. HCM, Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Khoa học công nghệ). Địa bàn kiểm tra gồm các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương.

Đoàn số 3: Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế) chủ trì, thành viên Đoàn gồm: Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế), Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - C49 (Bộ Công An), Viện Pasteur Nha Trang, Cục Bảo vệ thực vật. Địa bàn kiểm tra gồm các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Quảng Trị.

Đoàn số 4: Thanh tra Bộ Y tế chủ trì, thành viên Đoàn gồm : Thanh tra Bộ Y tế, Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế), Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - C49 (Bộ Công an), Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên. Địa bàn kiểm tra gồm các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum.

Đoàn số 5: Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chủ trì, thành viên Đoàn gồm: Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản & thủy sản và đơn vị kiểm nghiệm thuộc Cục, Vụ Khoa học công nghệ (Bộ Công thương), Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Khoa học công nghệ). Địa bàn kiểm tra gồm các tỉnh: An Giang, Vĩnh Long.

Đoàn số 6: Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, thành viên Đoàn gồm: Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thú Y và đơn vị kiểm nghiệm thuộc Cục, Cục Quản lý thị trường (Bộ Công thương). Địa bàn thanh tra, kiểm tra: Lào Cai, Lai Châu.

B. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Sở Y tế tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP các tỉnh, thành phố kế hoạch kiểm tra bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016. Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên

ngành ở các cấp có sự tham gia của các đơn vị chức năng tiến hành thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, dịch vụ ăn uống. Đồng thời phối hợp với các Đoàn thanh tra liên ngành của Trung ương tiến hành kiểm tra, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm tại các cơ sở thực phẩm theo kế hoạch cụ thể của các đoàn Trung ương.

Ủy ban nhân dân/Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP các tỉnh, thành phố chỉ đạo các ngành chức năng của địa phương và Ủy ban nhân dân các cấp triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu, tăng cường tuyên truyền bảo đảm an toàn thực phẩm, bố trí kinh phí cho các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016.

C. Thời gian thực hiện

1. Các Bộ được giao chủ trì (trưởng đoàn) đoàn kiểm tra của Trung ương có trách nhiệm gửi thông báo đến các đơn vị phối hợp cử người tham gia đoàn kiểm tra và quyết định thành lập đoàn xong trước 22/8/2016; từ ngày 25/8/2016 đến 14/9/2016 các đoàn kiểm tra liên ngành Trung ương tiến hành kiểm tra tại địa bàn được phân công.

2. Các địa phương xây dựng kế hoạch và thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra tại địa phương để triển khai thanh tra, kiểm tra trên địa bàn từ ngày 20/8/2016 (bao gồm cả trước, trong và sau Tết Trung thu).

3. Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra; thông báo sự cố về an toàn thực phẩm và vi phạm về an toàn thực phẩm: Các đoàn kiểm tra liên ngành của Trung ương và các đoàn thanh tra, kiểm tra ở địa phương báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra về Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm): Báo cáo nhanh trước ngày 20/9/2016; báo cáo kết quả đợt thanh tra, kiểm tra Tết Trung thu trước ngày 30/9/2016.

Đối với các trường hợp vi phạm thuộc diện phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, các đoàn thanh tra, kiểm tra và các đơn vị chức năng, các địa phương phải kịp thời công bố công khai vi phạm, tên tổ chức cá nhân vi phạm và các thông tin liên quan để cảnh báo cho cộng đồng.

D. Lấy mẫu kiểm nghiệm:

1. Tại tuyến Trung ương

- Việc lấy mẫu và chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm do Trưởng đoàn thanh tra/kiểm tra quyết định căn cứ vào nguy cơ mất an toàn thực phẩm của cơ sở được thanh tra, kiểm tra và sản phẩm của cơ sở được thanh tra, kiểm tra.

- Kinh phí cho việc mua mẫu và kiểm nghiệm mẫu:

+ Đối với các đoàn có đại diện của các Viện trực thuộc Bộ Y tế tham gia, kinh phí mua mẫu, kiểm nghiệm mẫu do các Viện này chịu trách nhiệm đảm bảo từ kinh phí năm 2016.

+ Đối với các đoàn có đại diện đơn vị kỹ thuật của các Bộ tham gia, kinh phí mua mẫu, kiểm nghiệm mẫu do đơn vị Trưởng đoàn hoặc các đơn vị kỹ thuật được giao lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu bảo đảm.

2. Tại các địa phương: Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP của địa phương quy định cụ thể việc lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

VI. BẢO ĐẢM KINH PHÍ

1. Tại tuyến trung ương: Kinh phí và phương tiện đi lại bảo đảm cho công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Tại các địa phương: Kinh phí và phương tiện bảo đảm cho công tác thanh tra, kiểm tra do địa phương quy định. Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch triển khai kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2016, Ban Chỉ đạo liên ngành trung ương về VSATTP đề nghị các Bộ, Ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ bản Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch, thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra và triển khai đợt thanh tra, kiểm tra trên địa bàn quản lý/địa bàn được phân công, báo cáo kết quả về Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) theo đúng thời gian quy định để Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành trung ương về VSATTP tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- PTT. Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để báo cáo);
- Các Bộ, ngành thành viên BCĐLNTƯ về VSATTP;
- Đài truyền hình Việt Nam; Đài tiếng nói Việt Nam;
- Báo SKĐS, Trung tâm TTGDSK Bộ Y tế;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Y tế, các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Chi cục ATVSTP các tỉnh, TP;
- Các đ/v thành viên Tổ công tác LNTƯ VSATTP;
- Website Bộ Y tế, Cục ATTP;
- Lưu: VT, ATTP.

**TL. TRƯỞNG BAN
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC**



**THỦ TRƯỞNG BỘ Y TẾ
Nguyễn Thanh Long**

BÁO CÁO**Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp tết Trung thu năm 2016 do Đoàn liên ngành T.Ư thực hiện****I. Ghi nhận báo cáo của các địa phương với Đoàn liên ngành TW.**

1. Công tác chỉ đạo của địa phương.
2. Công tác tuyên truyền, giáo dục.
3. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tết trung thu năm 2016.

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm do đoàn liên ngành T.Ư phối hợp với địa phương thực hiện:

Bảng 1: Tóm tắt kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ % so với tổng số được thanh tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý Trong đó:		
3.1	Số cơ sở vi phạm đã được xử lý ngay trong quá trình thanh tra (<i>nếu rõ hình thức xử lý</i>):		
3.2	Số cơ sở có vi phạm đã giao địa phương xử lý		

Bảng 2: Nội dung vi phạm chủ yếu tại các cơ sở thực phẩm:

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
2	Vi phạm quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
3	Vi phạm quy định về sử dụng hoá chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
4	Vi phạm quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng			
5	Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu			

	bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm			
6	Vi phạm quy định về tiêu chuẩn sức khoẻ trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
7	Vi phạm quy định về tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
8	Vi phạm quy định về thực hành an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
9	Vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
10	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
11	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong vận chuyển thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
12	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ thủy sản			
13	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống sử dụng làm thực phẩm			
14	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm			

	an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ thực vật			
15	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến			
16	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình cửa hàng ăn uống, cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín			
17	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình chế biến suất ăn sẵn ; căng tin kinh doanh ăn uống ; bếp ăn tập thể, bếp ăn nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng ; nhà hàng ăn uống			
18	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thức ăn đường phố			
19	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ			
20	Vi phạm quy định về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm			
21	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu			
22	Vi phạm quy định khác về bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm			
23	Vi phạm quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm			
24	Vi phạm quy định về kiểm nghiệm thực phẩm			
25	Vi phạm quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm và thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ mất an toàn thực phẩm			
26	Vi phạm quy định về truy suất nguồn gốc đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn			

Bảng 3: Kết quả kiểm nghiệm mẫu do đoàn TW thực hiện

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			
2	Xét nghiệm nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu tại các bảng từ 1 - 3; nêu rõ những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế của từng địa phương.

IV. Đề xuất kiến nghị của đoàn và ghi nhận kiến nghị của địa phương. (ghi cụ thể)

BÁO CÁO
Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp tết Trung thu năm 2016
do địa phương thực hiện

I. Công tác chỉ đạo:
 (nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành T.Ư thực hiện và báo cáo):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh:

1.2 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

1.3 Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất				
2	Sơ chế, chế biến				
3	Kinh doanh				
	Tổng số (1 + 2 + 3)				

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		

	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
2	Vi phạm quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
3	Vi phạm quy định về sử dụng hoá chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
4	Vi phạm quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng			
5	Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm			
6	Vi phạm quy định về tiêu chuẩn sức khoẻ trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
7	Vi phạm quy định về tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
8	Vi phạm quy định về thực hành an toàn			

	thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
9	Vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
10	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
11	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong vận chuyển thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
12	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ thủy sản			
13	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống sử dụng làm thực phẩm			
14	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ thực vật			
15	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến			
16	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình cửa hàng ăn uống, cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín			
17	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình chế biến suất ăn sẵn ; căng tin kinh doanh ăn uống ; bếp ăn tập thể, bếp ăn nhà hàng ăn uống			

	của khách sạn, khu nghỉ dưỡng; nhà hàng ăn uống			
18	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thức ăn đường phố			
19	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ			
20	Vi phạm quy định về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm			
21	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu			
22	Vi phạm quy định khác về bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm			
23	Vi phạm quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm			
24	Vi phạm quy định về kiểm nghiệm thực phẩm			
25	Vi phạm quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm và thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ mất an toàn thực phẩm			
26	Vi phạm quy định về truy suất nguồn gốc đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			
2	XN nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4).

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)